TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/DS-ST
Ngày 12 tháng 3 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Tuấn Kiệt**

Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 280/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S có ngay

Trụ sở chính: Số A, N, phường T, tỉnh Nghệ An (Địa chỉ cũ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần S có ngay.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Kha M, sinh ngày 12/4/1990 – Nhân viên Công ty

Địa chỉ liên lạc: Ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Ấp P, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu) (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Minh C, sinh ngày 25/02/2000;

Địa chỉ: Số D, Khóm E, phường B, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Số D, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay trình bày:

Ngày 18/02/2025 ông Trần Minh C có bán cho Công ty Cổ phần S có ngay một chiếc xe với giá 6.010.630 đồng. Loại xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 94K2-048.68, xe Exciter, số khung RLCUG0610HY505100, số máy G3D4E527526. Hai bên có ký kết hợp đồng mua bán xe, chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

Số tiền mua bán xe Công ty Cổ phần S có ngay đã chuyển khoản cho ông C trong ngày 18/02/2025 vào tài khoản tên Trần Minh C, số tài khoản 77895818888, Ngân hàng TMCP T.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 18/02/2025 ông C có đơn gửi Công ty Cổ phần S có ngay thỏa thuận thuê lại xe. Giá thuê là 10.548.818 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng tính từ ngày 18/02/2025, số tiền thuê mỗi tháng là 879.068 đồng.

Trong quá trình thuê xe ông C chưa thanh toán được khoản tiền thuê nào.

Công ty Cổ phần S có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh C phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền 14.121.353 đồng đồng tạm tính đến ngày 12/3/2026 (trong đó số tiền thuê xe 10.548.818 đồng, phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 2.728.628 đồng, phí phạt vi phạm là 843.906 đồng). Ngoài ra, ông Trần Minh C còn phải tiếp tục chịu tiền thuê xe, phí phát sinh theo Hợp đồng thuê xe đã ký kể từ ngày 13/3/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Trần Minh C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay đối với ông Trần Minh C.

Buộc ông Trần Minh C có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền thuê xe còn nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 10.548.818 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay đối với ông Trần Minh C về yêu cầu đối với yêu cầu phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 2.728.628 đồng, phí phạt vi phạm là 843.906 đồng; tiền tiền thuê xe, phí phát sinh tính từ sau ngày 13/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ông Trần Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của các đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh C trả tiền thuê xe theo hợp đồng cho thuê xe, nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Minh C có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S có ngay rút lại yêu

cầu khởi kiện đối với yêu cầu phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 2.728.628 đồng, phí phạt vi phạm là 843.906 đồng; tiền tiền thuê xe, phí phát sinh tính từ sau ngày 13/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4.2] Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của Công ty Cổ phần S có ngay.

[4.3] Công ty Cổ phần S có ngay không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1] Ngày 18/02/2025 ông Trần Minh C có bán cho Công ty Cổ phần S có ngay một chiếc xe với giá 6.010.630 đồng. Loại xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 94K2-048.68, xe Exciter, số khung RLCUG0610HY505100, số máy G3D4E527526. Hai bên có ký kết hợp đồng mua bán xe, không có công chứng, chứng thực; chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy. Số tiền mua bán xe Công ty Cổ phần S có ngay đã chuyển khoản cho ông C trong ngày 18/02/2025 vào tài khoản tên Trần Minh C, số tài khoản 77895818888, Ngân hàng TMCP T.

[5.2] Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 18/02/2025 ông C và Công ty Cổ phần S có ngay ký kết hợp đồng thuê xe. Giá thuê là 10.548.818 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng tính từ ngày 18/02/2025, số tiền thuê mỗi tháng là 879.068 đồng. Ông C sử dụng xe từ ngày 18/02/2025.

[5.3] Theo điểm b khoản 2 Thông tư số 58/2020/TT-BCA, ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ C1 quy định về giấy tờ chuyển quyền sở hữu xe, gồm một trong các giấy tờ sau đây: *"Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân có xác nhận công chứng hoặc chứng thực…"*. Như vậy, các giao dịch liên quan đến quyền sở hữu xe thì cần phải có công chứng, chứng thực. Theo khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự quy định *"Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực."*

[5.4] Như vậy, mặc dù Công ty Cổ phần S có ngay chưa đăng ký sang tên chủ sở hữu xe nhưng Công ty Cổ phần S có ngay đã giao tiền mua bán xe cho ông C và nhận xe từ ông C, cho nên giao dịch mua bán xe giữa ông C và Công ty Cổ phần S có ngay vẫn có hiệu lực, Công ty Cổ phần S có ngay là chủ sở hữu của xe mô tô hai

bánh biển kiểm soát 94K2-048.68 từ thời điểm Công ty Cổ phần S có ngay giao tiền mua xe cho ông C.

[5.5] Do đó, Công ty Cổ phần S có ngay ký kết hợp đồng ngày 18/02/2025 cho ông C thuê xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 94K2-048.68 phù hợp với quy định tại Điều 472, khoản 1 Điều 473, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự, là cơ sở thiết lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng cho thuê xe.

[5.6] Căn cứ theo hợp đồng thuê ký ngày 18/02/2025, có căn cứ xác định Công ty Cổ phần S có ngay đã giao xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 94K2-048.68 cho ông Trần Minh C, thỏa thuận số tiền thuê 12 tháng là 10.548.818 đồng (mỗi tháng là 879.068 đồng).

[5.7] Công ty Cổ phần S có ngay xác định từ ngày nhận xe đến nay ông C chưa thanh toán tiền thuê xe. Ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê xe theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký ngày 18/02/2025. Tính đến ngày 12/3/2026, ông C còn nợ Công ty số tiền thuê xe tính tròn 01 năm là 10.548.818 đồng.

[5.8] Ông Trần Minh C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có trả đủ tiền thuê xe cho Công ty Cổ phần S có ngay.

[5.9] Do đó, Công ty Cổ phần S có ngay yêu cầu ông C trả số tiền thuê xe còn nợ tính đến ngày 12/3/2026 là tiền thuê xe 10.548.818 đồng, xét thấy là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Trần Minh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- khoản 2 Điều 129; Điều 472; khoản 1 Điều 473; khoản 1 Điều 474; khoản 1 Điều 481 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay đối với ông Trần Minh C.

2. Buộc ông Trần Minh C có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền thuê xe còn nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 10.548.818 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay đối với ông Trần Minh C về yêu cầu đối với yêu cầu phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 2.728.628 đồng, phí phạt vi phạm là 843.906 đồng; tiền tiền thuê xe, phí phát sinh tính từ sau ngày 13/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

4. Về án phí: Ông Trần Minh C phải chịu 527.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Công ty Cổ phần S có ngay không phải chịu án phí. Công ty Cổ phần S có ngay đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003517 ngày 29 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh C được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam